

CHUNG TAY VÌ SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2016

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO

ĐỊA CHỈ: 105 HÙNG VƯƠNG, P. HẢI CHÂU 1, Q. HẢI CHÂU, TP. ĐÀ NẴNG

ĐIỆN THOẠI: (+84) 0236 3823951 - 3818478 - 3820093

FAX: (+84) 0236 3810004 - 3830469

EMAIL: info@danameco.com

WEBSITE: www.danameco.com

MÃ SỐ THUẾ: 0400102101

MÃ CHỨNG KHOÁN: DNM



Đà Nẵng, tháng 03 năm 2017

MỤC LỤC

	Trang
I. THÔNG TIN CHUNG	4
1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT	4
2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN	4
3. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH	5
4. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ	6
5. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN TỔNG CÔNG TY	7
5.1. Các mục tiêu chính	7
5.2. Các chiến lược phát triển trung và dài hạn	7
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	9
1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH	9
2. TÌNH HÌNH TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ	10
2.1. Nhân sự chủ chốt	10
2.2. Thay đổi trong Ban điều hành	10
2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động	10
3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ	11
4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	12
Các chỉ tiêu	
5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU	12
5.1. Cổ phần	12
5.2. Cơ cấu cổ đông	12
5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của Tổng Công ty	Error! Bookmark not defined.
6. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC	13
6.1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	13
6.2. Tình hình tài chính	14
6.3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	15
6.4. Kế hoạch phát triển năm 2016	15
III. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY	15
1. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY	16
2. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY	17
3. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2016	17
IV. QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY	17
1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (HĐQT)	17
1.1. Thành viên và cơ cấu HĐQT	17
1.2. Hoạt động HĐQT:	18

- 1.3. Thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty 18
- 2. BAN KIỂM SOÁT 18
 - 2.1. Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát..... 18
 - 2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát..... 18
 - 2.3. Thành viên Ban kiểm soát có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. **Error! Bookmark not defined.**
- 3. LƯƠNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH..... **Error! Bookmark not defined.**
- V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2015..... **Error! Bookmark not defined.**
 - 1. Ý KIẾN KIỂM TOÁN **Error! Bookmark not defined.**
 - 2. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN NĂM 2015 **Error! Bookmark not defined.**



I. THÔNG TIN CHUNG**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

- ❖ Tên tiếng Việt: **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO**
- ❖ Tên tiếng Anh: **DANAMECO MEDICAL JOINT STOCK CORPORATION**
- ❖ Tên viết tắt: **DANAMECO**



- ❖ Logo: 
- ❖ Trụ sở chính: 105 Hùng Vương, P. Hải Châu 1, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng
- ❖ Điện thoại: 0236. 3837621
- ❖ Fax: 0236.3830469
- ❖ Email: info@danameco.com
- ❖ Website: www.danameco.com
- ❖ Vốn điều lệ: **43.776.050.000 VND**
- ❖ Mã cổ phiếu: **DNM**
- ❖ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số **0400102101** do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 07/06/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 12/10/2015.

2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Tiền thân của Tổng Công ty Cổ phần Y tế DANAMECO là Trạm Vật tư y tế Quảng Nam - Đà Nẵng, được Sở Y tế Quảng Nam - Đà Nẵng thành lập từ năm 1976, nhằm thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận hàng viện trợ y tế để khắc phục hậu quả sau chiến tranh. Đến năm 1986, Trạm Vật tư y tế đổi tên thành Công ty Thiết bị vật tư y tế Quảng Nam - Đà Nẵng chuyên sản xuất các sản phẩm cơ khí như giường, tủ, bàn sinh, ... cung cấp cho các bệnh viện trong tỉnh.

Năm 1997, khi Tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng tách thành hai đơn vị hành chính thì Công ty chuyển về trực thuộc Bộ Y tế, là đơn vị thành viên của Tổng Công ty Thiết bị Y tế Việt Nam lấy tên là Công ty Thiết bị Y tế TW 3 Đà Nẵng theo Quyết định số 34/BYT-QĐ của Bộ trưởng Bộ y tế ngày 13/ 01/1997.

Năm 2004, thực hiện chủ trương Cổ phần hoá các Doanh nghiệp của Nhà nước, Công ty được đổi tên thành Tổng Công ty Cổ phần Y tế DANAMECO theo Quyết định số 3596/QĐ-BYT của Bộ trưởng Bộ y tế ngày 12/10/2004 và chính thức đi vào hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ tháng 7/2005.

Hơn 40 năm xây dựng và trưởng thành, Danameco đã không ngừng phát triển về mọi mặt, sản xuất và cung cấp các sản phẩm có chất lượng cao đảm bảo các tiêu chuẩn trong và

ngoài nước, là đối tác đáng tin cậy của khách hàng, góp phần phục vụ đắc lực cho sự nghiệp y tế nước nhà. Ghi nhận các nỗ lực này, trong các năm qua Danameco đã nhận được nhiều huân chương, bằng khen, cờ thi đua của các cấp từ Trung ương đến địa phương.

3. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

❖ **Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu.**

Sản xuất và kinh doanh thuốc, bao gồm thuốc thành phẩm, nguyên liệu làm thuốc, vắc xin, sinh phẩm y tế.

❖ **Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng**

Sản xuất và kinh doanh thiết bị vật tư y tế; Sản xuất bông băng gạc y tế, các sản phẩm dùng một lần trong phẫu thuật, gói đỡ đẻ sạch và sản xuất các sản phẩm phục vụ cấp cứu chấn thương, thiên tai, dịch họa;

❖ **Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác**

Xuất nhập khẩu vật tư nguyên liệu, dụng cụ, thiết bị y tế; Kinh doanh hóa chất xét nghiệm, hóa chất chống dịch, dụng cụ, thiết bị khoa học kỹ thuật, xe cứu thương và các thiết bị, dụng cụ phục vụ cho công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân;

❖ **Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu**

Kinh doanh hóa chất (trừ hóa chất độc hại mạnh), thuốc tẩy trùng, thiết bị tẩy trùng và xử lý môi trường;

❖ **Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác**

Dịch vụ tẩy trùng và xử lý môi trường;

❖ **Hoạt động trợ giúp xã hội không tập trung khác**

Đảm nhận công tác hậu cần cho các chương trình tiếp nhận và phân phối hàng viện trợ khu vực Miền Trung và Tây Nguyên;

❖ **Sửa chữa thiết bị khác**

Dịch vụ tư vấn sửa chữa, bảo trì thiết bị, dụng cụ y tế;

❖ **Hoạt động thiết kế chuyên dụng**

Dịch vụ tư vấn thiết kế xây dựng labo xét nghiệm, phòng mổ, phòng X-quang và các công trình chuyên ngành y tế.



5. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN TỔNG CÔNG TY.**5.1. Các mục tiêu chính**

- ❖ Tôn chỉ hoạt động của Danameco là mang đến những lợi ích cao nhất cho khách hàng, đảm bảo công ăn việc làm ổn định và thu nhập tốt nhất cho người lao động, quyền lợi tối đa cho cổ đông và đảm bảo an sinh xã hội.
- ❖ Phần đầu là Doanh nghiệp tiên phong, Doanh nghiệp dẫn đầu trong ngành sản xuất và kinh doanh Trang thiết bị y tế tại Việt Nam.
- ❖ Bảo toàn vốn, tối đa hóa lợi nhuận, phát triển bền vững theo chiến lược Y tế Quốc gia năm 2010-2020. Đóng góp vào sự phát triển bền vững của toàn xã hội. Chung tay vì sức khỏe cộng đồng.

5.2. Các chiến lược phát triển trung và dài hạn**5.2.1. Chiến lược sản phẩm**

- ❖ Tập trung ưu tiên đầu tư cho các sản phẩm đang có lợi thế cạnh tranh cao. Đầu tư đổi mới công nghệ, áp dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, nâng cao năng suất và hạ giá thành sản phẩm.
- ❖ Tăng cường quảng bá thương hiệu, tổ chức giới thiệu sản phẩm tại các khu vực mà Danameco đang có chiến lược chiếm lĩnh.
- ❖ Là đại lý phân phối độc quyền sản phẩm của các hãng Thiết bị y tế nổi tiếng như: Air Liquide - Pháp, Sonoscaner - Pháp, Siare - Italy, ECM - Pháp, Progetti - Italy... và tiếp tục nghiên cứu làm đại lý cho một số hãng có uy tín ở nước ngoài về trang thiết bị y tế để có nguồn hàng tốt chủ động trong công tác phát triển kinh doanh (*ưu tiên những mặt hàng của các nước G7*).
- ❖ Đẩy mạnh việc xuất khẩu các mặt hàng Danameco sản xuất sang các thị trường nước ngoài nhằm đem lại hiệu quả cao nhất.
- ❖ Chú trọng công tác nghiên cứu, sáng tạo, cải tiến trong sản xuất, nghiên cứu triển khai và phát triển sản phẩm mới.

5.2.2. Chiến lược Marketing

- ❖ Duy trì mối quan hệ uy tín và bền vững với các nhà cung cấp trang thiết bị y tế lớn, tăng cường công tác dự báo thị trường để đảm bảo có thể chủ động nguồn nguyên liệu và hàng hóa với giá cả ổn định, giảm thiểu những tác động khi có biến động thị trường.
- ❖ Phát triển mở rộng các thị trường ngách và thị trường xuất khẩu.
- ❖ Ra sức cải thiện chất lượng dịch vụ của các kênh phân phối truyền thống. Mở rộng và phát triển đa dạng hóa các các kênh phân phối khác để phủ kín thị trường tiêu thụ sản phẩm do Danameco sản xuất.
- ❖ Tiếp cận trực tiếp đến các nhóm khách hàng mục tiêu, tối đa hóa lợi ích hai bên.

- ❖ Xây dựng Danameco trở thành thương hiệu nổi tiếng và thân thiện trong khu vực. Đưa Danameco trở thành một trong những nhà sản xuất Băng băng gạc, Khẩu trang y tế, Cấp cứu chấn thương, Phòng chống dịch bệnh,...nhà cung cấp Trang thiết bị y tế uy tín hàng đầu tại Việt Nam.

5.2.3. Chiến lược tài chính

- ❖ Cấu trúc cơ cấu nguồn vốn phù hợp tình hình sản xuất kinh doanh.
- ❖ Kiểm soát chặt chẽ tồn kho, quản lý nghiêm ngặt công nợ phải thu, công nợ phải trả để sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.
- ❖ Đa dạng hóa các hình thức huy động vốn, phát hành thêm cổ phiếu để bổ sung vốn lưu động phục vụ mở rộng sản xuất, giảm đòn cân nợ, các rủi ro thanh toán và tăng lợi nhuận.
- ❖ Đảm bảo cơ cấu tài chính phù hợp với thực tế, tăng cường khả năng tự chủ về tài chính của Danameco, hạn chế tối đa rủi ro trong việc sử dụng vốn vay trong điều kiện lãi suất tăng đột ngột.

5.2.4. Chiến lược nguồn nhân lực

- ❖ Đào tạo thường xuyên nhằm bổ sung và nâng cao kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ.
- ❖ Hoàn thiện văn hóa doanh nghiệp, văn hóa ứng xử, đạo đức nghề nghiệp cho nguồn nhân lực hiện có.
- ❖ Xây dựng và thực thi các chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao nhằm sẵn sàng đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo xu hướng hội nhập và lợi thế ngành.
- ❖ Với nhiều chính sách đãi ngộ, cải thiện môi trường, điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập cho người lao động. Giữ vững nguồn lực lao động để ổn định và phát triển sản xuất bền vững.

5.2.5. Công tác tổ chức - quản lý.

- ❖ Tuân thủ chặt chẽ các quy định của Pháp luật.
- ❖ Hoàn thiện cơ cấu tổ chức và nhân sự.
- ❖ Xây dựng cơ chế lương, thưởng hợp lý. Động viên, khuyến khích CBCNV gắn bó lâu dài, tự giác và chuyên nghiệp trong công việc, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh cho Danameco.
- ❖ Áp dụng và duy trì hiệu quả các Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015, ISO 13485:2016. Nâng tầm thương hiệu, giữ vững uy tín với khách hàng.

5.2.6. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng

- ❖ Với sứ mệnh “*Vì mục tiêu sức khỏe cộng đồng và không ngừng phát triển*”, đây là kim chỉ nam cho mọi hoạt động của Danameco.
- ❖ Cung cấp sản phẩm Trang thiết bị y tế, phục vụ công tác khám chữa bệnh toàn dân.

- ❖ Tham gia đóng góp đầy đủ các nghĩa vụ đối với xã hội: đóng góp quỹ mái ấm tình thương, quỹ người nghèo, quỹ phòng chống thiên tai...

5.2.7. Các rủi ro

- ❖ Kinh tế thế giới và Việt Nam vẫn đối mặt với những khó khăn và bất ổn.
- ❖ Với chính sách mở cửa thu hút đầu tư nước ngoài cùng với sự phát triển mạnh về nhu cầu Trang thiết bị y tế đã tạo ra sự cạnh tranh ngày càng gay gắt giữa các Công ty chuyên ngành cung cấp trang thiết bị y tế nói chung và Danameco nói riêng.
- ❖ Ngành trang thiết bị y tế chịu sức ép của tốc độ phát triển công nghệ nhanh chóng. Điều này đòi hỏi các doanh nghiệp, trong đó có Danameco không ngừng có sự cải tiến sáng tạo trong công nghệ sản xuất để đáp ứng được các yêu cầu của thị trường hiện tại, nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm. Đây là một thách thức lớn đối với Công ty vì muốn bắt kịp với tốc độ phát triển cần phải có chi phí rất lớn cho cả trang thiết bị, kỹ thuật, cơ sở hạ tầng, nhân sự lẫn chi phí đào tạo.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Đvt: đồng

ST T	Các chỉ tiêu	Năm trước 2015	Kế hoạch 2016	Thực hiện 2016	Ghi chú
1	Doanh thu thuần	183.064.950.576	220.000.000.000	226.093.306.023	
2	Giá vốn hàng bán	135.713.581.478	163.500.000.000	176.873.180.439	
3	Lãi gộp từ SXKD	47.351.369.098	56.500.000.000	49.220.125.584	
4	Tổng chi phí hoạt động	29.065.574.173	34.000.000.000	31.065.042.774	
5	Tổng lợi nhuận trước thuế	19.015.376.240	22.500.000.000	18.720.164.433	
6	Thuế TNDN	4.183.382.773	4.500.000.000	3.762.112.014	
7	Lợi nhuận sau thuế	14.831.993.467	18.000.000.000	14.958.52.419	

Doanh thu năm 2016: 226.093.306.023Đ, đạt 123,5% so với năm 2015 do Hội đồng quản trị cùng Ban điều hành Tổng Công ty đã xây dựng, điều chỉnh các chiến lược sản xuất kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế, nhằm khắc phục khó khăn, khai thác tối đa mọi lợi thế và nguồn lực. Tuy nhiên, lợi nhuận năm 2016 đạt 100,8% so với năm 2015 do hàng hóa khai thác đầu vào tăng nhưng bán ra phải giảm để tăng tính cạnh tranh trên thị trường.

2. TÌNH HÌNH TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

2.1. Nhân sự chủ chốt:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ngày tháng năm sinh	Số CMND, ngày cấp	Địa chỉ thường trú	Trình độ chuyên môn	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ
1	Nguyễn Tấn Tiên	Tổng giám đốc	6/12/1964	200491836; 25/7/2006; CA- ĐN	Số 2 Triệu Việt Vương- ĐN	Cử nhân kinh tế	30,779	0.703%
2	Đặng Quốc Tuấn	Phó Tổng giám đốc	5/10/1965	200 726 788; 22/10/2009; CA ĐN	Tổ 9 Vĩnh An B- P. Vĩnh Trung- ĐN	Cử nhân Kinh tế	12,327	0.282%
3	Nguyễn Kiệm	Phó Tổng giám đốc	4/3/1966	200 832 895 ; 23/6/2005; CA ĐN	Số 1 Trần Hữu Trang- ĐN	ĐH QTKD	54,149	1.237%
4	Nguyễn thị Minh Hiền	Kế toán trưởng	6/9/1975	201242174; 16/1/1995; CA QN-ĐN	K16/33 Ngô Gia Tự- ĐN	Cử nhân kinh tế	7,238	0.165%

<< Nguồn tỷ lệ sở hữu cổ phần: theo danh sách Trung tâm lưu ký chứng khoán số C341 /2016- DNM/VSD-ĐK>>

2.2. Thay đổi trong Ban điều hành

Ông Nguyễn Kiệm miễn nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc phụ trách kinh doanh thiết bị ngày 24/10/2016.

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động.

Tổng số lao động của Tổng Công ty Cp Y tế Danameco tính đến thời điểm 31/12/2016 là 432 người. Cụ thể như sau:

Phân loại	Số người	Tỷ trọng
Tổng số lao động	432	
<i>Trong đó:</i>		
1. Theo tính chất công việc		
- Khối gián tiếp	145	34%
- Khối trực tiếp	287	66%
2. Theo trình độ		
- Đại học và trên đại học	74	17%
- Cao đẳng và trung học chuyên nghiệp	84	19%
- Khác	274	63%
3. Theo giới tính		
- Nam	323	75%
- Nữ	109	25%

❖ Chính sách đối với người lao động:

- Con người là yếu tố quyết định ảnh hưởng lớn đến sự phát triển Doanh nghiệp. Chính vì vậy, Tổng Công ty thực hiện tốt các chính sách là quyền lợi chính đáng của Người lao động, thực hiện ký hợp đồng lao động, tham gia đóng BHXH và thực hiện chính sách nghỉ mát, du lịch định kỳ thường xuyên hằng năm theo luật định. Ngoài chế độ quy định, Tổng Công ty còn vận dụng các chính sách đãi ngộ như: thăm hỏi ốm đau, cưới xin, tang hiếu, sinh nhật, hỗ trợ thời gian và học phí tự học cho CBCNV học tập nâng cao kiến thức.
- Không những tăng thu nhập, khuyến khích vật chất như chế độ tiền thưởng mà còn quan tâm chú trọng công tác bồi dưỡng, đào tạo, đào tạo lại, tổ chức tham quan học tập các nước trong khu vực để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, khuyến khích để Người lao động phấn đấu phát huy khả năng lao động sáng tạo của mình; sắp xếp lại tổ chức hợp lý, gọn nhẹ, hiệu quả.
- Tổ chức thi tay nghề cho công nhân đảm bảo 100% công nhân được đào tạo sản xuất theo quy trình dây chuyền công nghệ, quản lý sản xuất theo yêu cầu Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015, ISO 13485:2016 và GSP, thực hiện phong cách văn hoá doanh nghiệp “DANAMECO vì sức khoẻ cộng đồng”.
- Công tác bảo hộ lao động được Tổng Công ty đặc biệt chú trọng, trang bị đủ các phương tiện bảo hộ an toàn vệ sinh lao động và trang bị đủ bình chữa cháy, hệ thống nước chữa cháy vách tường, hệ thống báo cháy tự động, và các phương tiện Phòng cháy chữa cháy khác, tổ chức huấn luyện thường xuyên hằng năm cho CBCNV về công tác an toàn vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ, Trong những năm qua chưa để xảy ra một trường hợp tai nạn lao động nào, được các cơ quan chức năng về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy thành phố và Bộ y tế đánh giá cao qua các lần kiểm tra hằng năm với hơn 98 điểm.
- Xây dựng hệ thống nội quy, quy chế dân chủ cơ sở, thoả ước lao động tập thể, quy ước văn hoá công sở, các quy chế nội bộ khác chặt chẽ, đồng bộ nhằm cụ thể hoá các quy định về quản lý, chuyên môn nghiệp vụ và các chính sách đãi ngộ cho người lao động, tạo hành lang pháp lý trong các hoạt động, công khai hoá các quy định của Tổng Công ty trên các lĩnh vực. Tổng Công ty cam kết thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở trong nội bộ doanh nghiệp, nhằm công khai, minh bạch và dân chủ, tạo điều kiện cho người lao động yên tâm công tác, phát huy vai trò trách nhiệm và tinh thần hăng say thi đua lao động nhiệt tình của CBCNV.
- Thực hiện nếp sống văn hoá và bảo vệ an ninh tổ quốc, an ninh quốc phòng, CBCNV được học tập kiến thức quốc phòng, thực hiện tốt nghĩa vụ quân sự. Hàng năm có 2 CBCNV lên đường nhập ngũ với những chính sách đãi ngộ: trước khi đi

3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ

Thực hiện theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2016, Tổng

Công ty sử dụng quỹ phát triển sản xuất để đầu tư mới một số máy móc đáp ứng thực tế nhu cầu sản xuất và mua xe ô tô để phục vụ công tác vận chuyển với tổng giá trị là: **2.058.380.147** đồng. Cụ thể:

Stt	Hạng mục đầu tư	Số tiền (đồng)
1	Xe ô tô tải 1,4 tấn	302.121.091
2	Xe ô tô 4 chỗ	802.227.273
3	Xe tải 0,95 tấn phục vụ cho việc cung cấp hàng tại Hà Nội	214.414.091
4	Máy tiết trùng EO Gas 3m3	669.787.495
5	Máy đọc chỉ thị sinh học dùng trong Tiết trùng E.O gas	69.830.197
Tổng cộng:		2.058.380.147

4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Các chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	1,65	1,70
+ Hệ số thanh toán nhanh:	1,36	1,35
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	44,70%	43,65%
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	80,84%	77,47%
3. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	8,08%	6,54%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	19,71%	19,43%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	10,90%	10,95%
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần	10,12%	8,09%

5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

5.1. Cổ phần

- ❖ Tổng số cổ phiếu lưu hành: **4.377.605** cổ phiếu.
- ❖ 100% là cổ phiếu thường.
- ❖ Cổ tức năm 2016: 30% bằng tiền mặt, chia làm 2 đợt.

5.2. Cơ cấu cổ đông

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Loại cổ phần	Số cổ phần	Vốn góp (đồng)	Tỷ lệ vốn góp
----	-------------	---------	--------------	------------	----------------	---------------

1	Nguyễn Thị Hồng Vân	Số 29 Tổ 50 ngõ 195 Trung Kính, Hà Nội	Phổ thông	703.500	703.500.000	16,07%
2	Phạm Thị Minh Trang	128 Tổng Phước Phổ, Q. Hải Châu, Đà Nẵng	Phổ thông	497.893	497.893.000	11,37%
3	Bùi Thị Vân Nga	số 29, tổ 50, ngõ 195, Trung Kính, Hà Nội	Phổ thông	221.700	221.700.000	5,06%

(Nguồn: Danh sách chốt cổ đông DNM ngày 14/11/2016 của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam)

TT	Cơ cấu cổ đông	Số lượng	Số cổ phiếu sở hữu	Số tiền (đồng)	Tỷ lệ trên Vốn điều lệ
1	Cổ đông trong nước				
	- Cá nhân	348	4.192.124	41.921.240.000	95,76%
	- Tổ chức	6	515	5.150.000	27%
2	Cổ đông ngoài nước				
	- Cá nhân	10	180.566	1.805.660.000	5,06%
	- Tổ chức	2	4.400	44.000.000	0,09%
	Tổng cộng:	366	4.377.605	43.776.050.000	100%

(Nguồn: Danh sách chốt cổ đông DNM ngày 14/11/2016 của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam)

6. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

6.1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đvt: đồng

Các chỉ tiêu	Thực hiện (TH) 2015	Kế hoạch (KH) 2016	Thực hiện (TH) 2016	TH2016/ KH 2016	TH2016 TH/2015
	Doanh thu thuần	183.116.401.577	220.000.000.000	226.396.324.987	103%
Tổng Lợi nhuận trước Thuế	18.981.450.883	22.500.000.000	18.720.164.433	83%	99%
Lợi nhuận sau thuế	14.799.928.453	18.000.000.000	14.781.747.290	82%	100%
Lãi cơ bản/ Cổ phiếu	3.336		3.168		95%

6.2. Tình hình tài chính

6.2.1. Tình hình tài sản

Tài sản cố định của Tổng Công ty bao gồm: máy móc thiết bị như máy cuộn gạc, máy chải bông, máy sản xuất khẩu trang, máy gấp gạc, máy tiết trùng, máy sấy, máy nén khí, máy dệt kim, máy cắt cán, máy cắt cuộn, máy in phun, dây chuyền bao bì, dây chuyền sản xuất găng tay...; nhà xưởng, văn phòng; quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính. Tình hình tài sản cố định của Tổng Công ty tại 31/12/2016:

Đvt: đồng

Khoản mục	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
I. TSCĐ hữu hình			
- Nhà cửa, vật kiến trúc	22.512.836.916	13.088.197.597	9.424.639.319
- Máy móc, thiết bị	22.128.183.901	15.689.819.498	6.438.364.403
- Phương tiện vận tải truyền dẫn	4.330.515.283	2.298.935.318	2.031.579.965
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	809.439.547	715.352.304	94.087.243
II. TSCĐ vô hình			
Quyền sử dụng đất	17.077.663.821		17.077.663.821
Phần mềm máy vi tính	232.200.000	127.059.994	105.140.006

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2016 của Danameco)

6.2.2. Tình hình Nợ phải trả

Đvt: đồng

Khoản mục	31/12/2015	31/12/2016	Ghi chú
I. Nợ ngắn hạn			
1. Vay ngắn hạn	33.492.715.504	21.526.471.065	
2. Phải trả cho người bán ngắn hạn	12.870.568.657	24.914.434.825	
3. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	3.044.674.238	7.443.010.439	
4. Thuế và các khoản phải nộp NN	5.382.092.874	2.587.699.755	
5. Phải trả người lao động	1.260.037.355	1.180.135.872	
6. Chi phí phải trả	168.307.101	60.685.428	
7. Phải trả ngắn hạn khác	2.507.774.934	934.835.394	

8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.501.667.189	111.480.503	
II. Nợ dài hạn			
1. Vay và nợ dài hạn	463.948.334	347.961.252	

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2016 của Danameco)

6.3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- ❖ Triển khai thực hiện hệ thống KPI nhằm đánh giá năng lực hoạt động của từng người, từng bộ phận.
- ❖ Sử dụng phần mềm kế toán FAST, phần mềm quản lý hàng hóa.
- ❖ Tiếp tục nghiên cứu sắp xếp lại bộ máy tổ chức theo hướng chuyên nghiệp để phát triển sản xuất kinh doanh phù hợp với thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế.
- ❖ Rà soát, định biên lại lực lượng lao động hợp lý. Quan tâm, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn về trang thiết bị y tế đối với CBCNV kinh doanh.
- ❖ Điều chỉnh chiến lược giá bán phù hợp từng thời điểm, từng địa bàn nhằm mở rộng và tăng thị phần.
- ❖ Vận hành thông suốt Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp theo các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2015, ISO 13485:2016 được chứng nhận bởi Trung tâm Quacert.
- ❖ Xây dựng, sửa đổi, bổ sung và thực hiện các nội quy, quy chế phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh và mô hình quản lý của Tổng Công ty.

6.4. Kế hoạch phát triển năm 2017

Dvt: đồng

Các chỉ tiêu	TH 2016	KH 2017	KH2017/ TH2016
Doanh thu	226.396.324.987	225.000.000.000	99,38%
Giá vốn hàng bán ra	176.873.180.439	171.053.700.000	96,71%
Lãi gộp từ SXKD	49.220.125.584	53.946.300.000	109,60%
Tổng chi phí hoạt động	31.065.042.774	33.375.000.000	107,44%
Tổng lợi nhuận trước thuế	18.720.164.433	20.571.300.000	109,89%
Thuế TNDN	3.762.112.014	4.114.260.000	109,36%
Lợi nhuận sau thuế	14.781.747.290	16.457.040.000	111,33%

6.5. Các giải pháp thực hiện

- ❖ Kiện toàn lại bộ máy tổ chức, phân công chức năng, nhiệm vụ cho từng bộ phận hợp lý phù hợp với tình hình thực tế tại đơn vị.

- ❖ Tuyển dụng và điều động một số chức danh lãnh đạo, quản lý để phù hợp với tình hình mới.
- ❖ Phân cấp mạnh mẽ cho Chi nhánh Hà Nội, Chi nhánh TP HCM tự chủ hoàn toàn trong công tác đầu thầu, mua bán trang thiết bị y tế.
- ❖ Giải thể Chi nhánh Đà Nẵng và Chi nhánh Quảng Nam, để tập trung mọi nguồn lực cho sự phát triển đồng bộ, thống nhất tại Văn phòng Tổng công ty.
- ❖ Qui hoạch lại toàn bộ khu vực sản xuất tại XNHC, XNQN đảm bảo theo hệ thống quản lý chất lượng, phù hợp với tiêu chuẩn sản xuất trang thiết bị y tế do BHYT qui định.
- ❖ Đầu tư, đổi mới công nghệ, máy móc thiết bị và không ngừng cải tiến qui trình sản xuất để nâng cao chất lượng, năng suất lao động và hạ giá thành sản phẩm.
- ❖ Nghiên cứu sản xuất những sản phẩm mới phục vụ cho xuất khẩu và kênh tiêu dùng trong nước.
- ❖ Ngoài những mặt hàng truyền thống đã kinh doanh thì phát triển thêm các sản phẩm của hãng Philips và nghiên cứu tìm thêm những VTTH có lợi thế kinh doanh để làm đại lý độc quyền tại Việt Nam
- ❖ Di dời Trung tâm dịch vụ tổng hợp từ Thành phố Đà Nẵng chuyển về XNQN, do Nhà nước thu hồi mặt bằng.
- ❖ Không ngừng đào tạo CBNV về chuyên môn, nghiệp vụ để đáp ứng nhu cầu hội nhập sâu rộng với nền kinh tế thế giới.

III. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

1. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

- ❖ Kết quả lợi nhuận trước thuế năm 2016 đạt 14,958,052,419 đ, so với tổng vốn điều lệ là 43.776.050.000 đ, điều đó chứng tỏ Tổng Công ty đã sử dụng đồng vốn hết sức hiệu quả. Hoàn thành xuất sắc nghĩa vụ với cổ đông, tỷ lệ chia cổ tức năm 2016 tiếp tục duy trì mức 30%, mức chia cổ tức đáng mơ ước của các công ty cổ phần.
- ❖ Công tác đầu tư công nghệ và nguồn nhân lực được chú trọng phát triển.
- ❖ Tổng Giám đốc với tầm nhìn chiến lược, sự sáng tạo, năng động, kinh nghiệm, quyết đoán, thống nhất, phối hợp tốt giữa các thành viên trong Ban điều hành. Cùng với sự quyết tâm và đồng thuận cao của đội ngũ lao động có tay nghề, gắn bó với Tổng Công ty; đã từng bước nâng cao vị thế, uy tín, hình ảnh Danameco đối với Cổ đông, các nhà đầu tư, khẳng định cam kết của Lãnh đạo trong định hướng chiến lược phát triển Tổng Công ty.
- ❖ Tài chính Danameco được kiểm soát tốt, song song với những chiến lược phát triển cụ thể và toàn diện, tạo điều kiện Tổng Công ty có được định hướng phát triển lâu dài và bền vững.

2. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY

- ❖ Ban điều hành Tổng Công ty và các cán bộ quản lý khác đã tuân thủ theo đúng Pháp luật, Điều lệ, Quy chế quản lý tài chính và các quy định hiện hành của Nhà nước.
- ❖ Triển khai thực hiện theo đúng tinh thần Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT.
- ❖ Hoàn thành kế hoạch SXKD và các chỉ tiêu kinh tế khác theo đúng kế hoạch. Hoàn thành đúng thời hạn Báo cáo tài chính năm 2016.
- ❖ Phối hợp tốt với HĐQT, Ban kiểm soát và các Đoàn thể để triển khai các vấn đề một cách kịp thời, nhất quán. Phát hiện và khắc phục các điểm yếu, tạo đà cho việc phát triển bền vững, đảm bảo cân đối hài hòa lợi ích của Tổng Công ty, Nhà nước, của các Cổ đông và đối tác cũng như quyền lợi của người lao động.

3. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2017

- ❖ Thống nhất các Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 theo đề xuất của Tổng Giám đốc.
- ❖ Kiểm soát chặt chẽ chi tiêu, nợ phải trả và thu hồi nợ phải thu.
- ❖ Tiếp tục nghiên cứu tổ chức sản xuất hợp lý, đầu tư đổi mới công nghệ phù hợp, nâng cao chất lượng sản phẩm, nâng cao năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm.
- ❖ Giữ vững và mở rộng thị trường.
- ❖ Nâng cao năng lực cạnh tranh để chủ động hội nhập trong bối cảnh kinh tế quốc tế.

IV. QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (HĐQT)

1.1. Thành viên và cơ cấu HĐQT

Stt	Thành viên HĐQT	Số CMND	Ngày cấp	Nơi cấp	Số cổ phần	Tỷ lệ
1.	Phạm Thị Minh Trang	200034213	8/7/2009	CA Đà Nẵng	497.893	11,37%
2.	Nguyễn Tấn Tiên	200491836	25/7/2006	CA Đà Nẵng	30.779	0,70 %
3.	Nguyễn Thị Hoài Nam	201328473	19/3/2009	CA Đà Nẵng	36.738	0,84 %
4.	Đỗ Hiệp Hòa	001079000 503	17/5/2013	QLC về TTXH	2.570	0,06%
5.	Chu Hải Công	012580654	16/5/2009	CA Hà Nội	2.570	0,06%
6.	Lê Hải Trọng	B2505755	27/8/2008	Hà Nội	0	0%
7.	Nguyễn Thị Hiền Nhân	025103047	23/04/2009	Hồ Chí Minh	42,662	0,97%

Ông Chu Hải Công và ông Đỗ Hiệp Hòa miễn nhiệm ngày 28/05/2016; ông Lê Hải Trọng và bà Nguyễn thị Hiền Nhân được bổ nhiệm ngày 28/05/2016.

1.2. Hoạt động HĐQT:

- ❖ Ngày 22/04/2016: Tổng công ty Cổ phần Y tế Danameco tổ chức Đại hội đồng cổ đông năm 2016 không thành công do không đủ điều kiện tiến hành. Ngày 28/05/2016, Tổng công ty tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông năm 2016 lần thứ 2 thành công.
- ❖ Trong năm 2016, HĐQT đã triệu tập 08 cuộc họp (07 cuộc họp HĐQT tập trung, 01 cuộc họp HĐQT online) với sự tham của các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát.
- ❖ Bên cạnh các quyết định thuộc thẩm quyền liên quan đến kế hoạch, phương hướng triển khai thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD), đơn giá tiền lương cho các đơn vị; HĐQT đã xem xét, thống nhất, quyết định một số nội dung quan trọng để hoàn thành mục tiêu của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2016.
- ❖ Ngoài việc theo dõi kết quả các báo cáo bằng thư điện tử, điện thoại của Tổng Giám đốc và các thành viên Ban điều hành về các hoạt động SXKD; hằng tháng, Chủ tịch HĐQT chủ trì các cuộc họp liên tịch giữa HĐQT, Ban điều hành, Ban kiểm soát để rút kinh nghiệm và xử lý các vướng mắc trong công việc.

1.3. Thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

- ❖ Bà Phạm Thị Minh Trang
- ❖ Ông Nguyễn Tấn Tiên
- ❖ Bà Nguyễn Thị Hoài Nam
- ❖ Ông Đỗ Hiệp Hòa

2. BAN KIỂM SOÁT

2.1. Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát

Stt	Thành viên Ban kiểm soát	Số CMND	Ngày cấp	Nơi cấp	Số cổ phần	Tỷ lệ
1.	Nguyễn Đình Phương Nam	201760742	02/04/2015	CA. Đà Nẵng	4.445	0,10%
2.	Nguyễn Văn Hoa	200229933	20/9/2001	CA. Đà Nẵng	18.413	0,42%
3.	Nguyễn Thanh Tú	013473079	30/08/2011	CA. Hà Nội	152.570	3,49%
4.	Đoàn thị Thanh Huyền	012620326	02/07/2003	Hà Nội	0	0%

(Nguồn: Danh sách chốt cổ đông DNM ngày 14/11/2016 của Trung tâm lưu ký chứng khoán VN)

Ông Nguyễn Thanh Tú miễn nhiệm ngày 28/05/2016 và bà Đoàn thị Thanh Huyền được bổ nhiệm ngày 28/05/2016.

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát

- ❖ Năm 2016, Ban kiểm soát đã thực hiện tốt các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Tổng Công ty, luôn tập trung kiểm tra, giám sát các hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành về việc chấp hành Luật pháp, Điều lệ, Nghị quyết của Đại hội đồng

- ❖ cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng quản trị.
- ❖ Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị và đóng ý kiến liên quan đến công tác điều hành, quản lý hoạt động SXKD tại Tổng Công ty.

2.3. Thành viên Ban kiểm soát có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

- ❖ Ông Nguyễn Văn Hoa
- ❖ Ông Nguyễn Thanh Tú

3. LƯƠNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOAN LỢI ÍCH

- ❖ **Hội đồng quản trị:**
 - Chủ tịch HĐQT chuyên trách: tương đương lương TGD điều hành.
 - Thành viên HĐQT: 4.000.000đ/tháng
- ❖ **Ban kiểm soát:**
 - Trưởng BKS: 4.000.000đ/tháng
 - Thành viên BKS: 3.000.000đ/tháng

V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2016

1. Ý KIẾN KIỂM TOÁN

“Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính”.

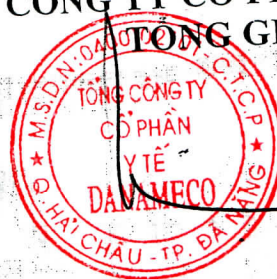
2. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN NĂM 2016

- ❖ Bảng cân đối kế toán (đính kèm).
- ❖ Bảng báo cáo kết quả kinh doanh (đính kèm).
- ❖ Bảng báo cáo lưu chuyển tiền tệ (đính kèm).

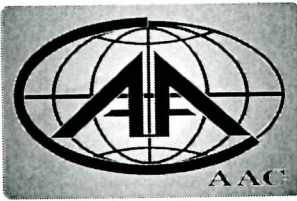
Nơi nhận:

- UBCKNN;
- SGDC KHN;
- HĐQT, BKS TCT;
- BGĐ TCT;
- Lưu VT, Thư ký.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ DANAMECO



NGUYỄN TẤN TIÊN



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính
Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.236.3655886; Fax: 84.236.3655887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: <http://www.aac.com.vn>

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 333/2017/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Y tế Danameco**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Y tế Danameco (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 10/03/2017, từ trang 7 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác và phát hành báo cáo kiểm toán độc lập ngày 25/03/2016 với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC



Trần Thị Phương Lan – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0396-2013-010-1
Đà Nẵng, ngày 20 tháng 03 năm 2017

Đinh Thị Ngọc Thùy – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1463-2013-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		99.473.733.222	99.424.717.161
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	8.935.832.447	30.228.628.243
1. Tiền	111		8.935.832.447	13.728.628.243
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	16.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		68.295.316.956	49.462.674.987
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	65.522.592.897	46.782.088.226
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	2.086.106.933	1.711.008.347
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	707.752.872	990.714.160
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(21.135.746)	(21.135.746)
IV. Hàng tồn kho	140	10	20.261.096.737	17.602.199.837
1. Hàng tồn kho	141		20.347.814.872	17.688.917.972
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(86.718.135)	(86.718.135)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.981.487.082	2.131.214.094
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11.a	372.302.277	555.545.792
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.609.184.805	1.575.668.302
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		35.525.192.051	36.343.922.789
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		35.171.474.767	35.988.066.094
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	17.988.670.940	18.775.222.271
- Nguyên giá	222		49.780.975.647	47.721.744.054
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(31.792.304.707)	(28.946.521.783)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	17.182.803.827	17.212.843.823
- Nguyên giá	228		17.309.863.821	17.309.863.821
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(127.059.994)	(97.019.998)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		353.717.284	355.856.695
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11.b	353.717.284	355.856.695
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		134.998.925.273	135.768.639.950

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		59.106.714.533	60.691.786.186
I. Nợ ngắn hạn	310		58.758.753.281	60.227.837.852
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	24.914.434.825	12.870.568.657
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	7.443.010.439	3.044.674.238
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	2.587.699.755	5.382.092.874
4. Phải trả người lao động	314		1.180.135.872	1.260.037.355
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	60.685.428	168.307.101
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	934.835.394	2.507.774.934
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19.a	21.526.471.065	33.492.715.504
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		111.480.503	1.501.667.189
II. Nợ dài hạn	330		347.961.252	463.948.334
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19.b	347.961.252	463.948.334
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		75.892.210.740	75.076.853.764
I. Vốn chủ sở hữu	410		74.101.578.072	73.286.221.096
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	20	43.776.050.000	43.776.050.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		43.776.050.000	43.776.050.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	20	4.946.628.370	4.946.628.370
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	20	17.163.559.912	16.329.984.598
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	20	8.215.339.790	8.233.558.128
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	37.175
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		8.215.339.790	8.233.520.953
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		1.790.632.668	1.790.632.668
1. Nguồn kinh phí	431		1.790.632.668	1.790.632.668
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		134.998.925.273	135.768.639.950



Nguyễn Tân Tiên
Đà Nẵng, ngày 10 tháng 03 năm 2017

Kế toán trưởng

Đoàn Thị Thanh Huyền

Người lập biểu

Võ Thị Kiều Phương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	21	226.396.324.987	183.673.083.938
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	303.018.964	556.682.361
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		226.093.306.023	183.116.401.577
4. Giá vốn hàng bán	11	23	176.873.180.439	135.610.745.229
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		49.220.125.584	47.505.656.348
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	134.742.857	285.514.205
7. Chi phí tài chính	22	25	1.649.303.228	1.525.019.603
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.567.472.983	1.495.601.636
8. Chi phí bán hàng	25	26.a	11.821.795.762	12.724.299.099
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26.b	17.593.943.784	15.004.440.284
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		18.289.825.667	18.537.411.567
11. Thu nhập khác	31	27	608.858.416	471.482.513
12. Chi phí khác	32	28	178.519.650	27.443.197
13. Lợi nhuận khác	40		430.338.766	444.039.316
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	29	18.720.164.433	18.981.450.883
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	3.938.417.143	4.181.522.430
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	29	14.781.747.290	14.799.928.453
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	3.168	3.336
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	30	3.168	3.336

Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu



Nguyễn Tấn Tiên

Đoàn Thị Thanh Huyền

Võ Thị Kiều Phương

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		18.720.164.433	18.981.450.883
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao Tài sản cố định	02	12,13	3.295.744.819	3.185.577.990
- Các khoản dự phòng	03			(96.751.531)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(312.252)	81.310
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(104.878.982)	(275.530.514)
- Chi phí lãi vay	06	25	1.567.472.983	1.495.601.636
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08		23.478.191.001	23.290.429.774
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(18.899.994.583)	6.011.415.329
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2.658.896.900)	1.388.668.021
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		14.512.200.195	(265.182.901)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		185.382.926	310.854.015
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.641.304.307)	(1.656.350.445)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(6.208.522.430)	(5.695.768.270)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	15.886.570
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(2.223.762.000)	(3.230.061.272)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		6.543.293.902	20.169.890.821
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	12	(2.479.153.492)	(2.631.106.120)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	24	138.715.093	275.530.514
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.340.438.399)	(2.355.575.606)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	2.084.570.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	19	155.574.327.119	129.162.945.715
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	19	(167.656.558.640)	(137.222.149.543)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	20	(13.413.510.075)	(12.507.868.925)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(25.495.741.596)	(18.482.502.753)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(21.292.886.093)	(668.187.538)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		30.228.628.243	30.896.674.837
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		90.297	140.944
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		8.935.832.447	30.228.628.243



Tổng Giám đốc

Nguyễn Tân Tiên

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 03 năm 2017

Kế toán trưởng

Đoàn Thị Thanh Huyền

Người lập biểu

Võ Thị Kiều Phương